TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2022/DS-PT
Ngày: 13-6-2022
"V/v tranh chấp thừa kế"

N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Những

Bà Trịnh Thị Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Nga – Thư ký Tòa án Nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Long An: Bà Đặng Thị Cẩm C – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án Nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 4 năm 2022, về tranh chấp thừa kế.

Do bản áNhân dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Tòa án Nhân dân thị xã Kiến T, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 120/2022/QĐ-PT ngày 10 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hà Thanh V, sinh năm 1999.

Địa chỉ cư trú: Ấp Sồ Đ, xã Thạnh H, thị xã Kiến T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần D, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khu phố Rạch B, thị trấn Vĩnh H, huyện Vĩnh H, tỉnh Long An.

(theo văn bản ủy quyền ngày 04/01/2022).

- *Bị đơn:*

1. Bà Lê Thị Lý B, sinh năm 1980 (có mặt);

2. Ông Hà Thanh P, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Sồ Đ, xã Thạnh H, thị xã Kiến T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hà Thanh P: Bà Lê Thị Lý B (có mặt).

(theo văn bản ủy quyền ngày 13/6/2022)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban Nhân dân thị xã Kiến T;

Địa chỉ: Đường 30/4, phường 1, thị xã Kiến T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn V - Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Tuấn A - Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Kiến T (có đơn xin vắng mặt).

2. Chi cục thi hành áNhân dân sự thị xã Kiến T;

Địa chỉ: Số 10, đường 30/4, phường 1, thị xã Kiến T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn V - Chi cục trưởng (có đơn xin vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1954 (vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp Bắc Chan 2, xã Tuyên Th, thị xã Kiến T, tỉnh Long An.

4. Bà Võ Lệ T, sinh năm 1952 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Số 01, đường Nguyễn Thái Bình, khu phố 1, phường 1, thị xã Kiến T, tỉnh Long An.

5. Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1991 (có mặt);

6. Ông Võ Văn M, sinh năm 1986;

7. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1967;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Minh, bà Mai: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1991 (có mặt).

(theo văn bản ủy quyền ngày 06/6/2022)

Cùng địa chỉ cư trú: Số 117, ấp Bắc Chan 2, xã Tuyên Th, thị xã Kiến T, tỉnh Long An.

8. Bà Trần Thị Thúy H, sinh năm 1983 (xin vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Số 276, ấp Bắc Chan 2, xã Tuyên Th, thị xã Kiến T, tỉnh Long An.

9. Công ty Đấu Giá Hợp Danh Tiên Ph (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số 276, Quốc lộ 62, phường 2, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đặng Thị Thu Thủy - Giám đốc.

10. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1983 (vắng mặt);

11 Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1988 (xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Bắc Chan, xã Tuyên Th, thị xã Kiến T, tỉnh Long An.

12. Bà Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1986 (vắng mặt);

13. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Bình Tây, xã Tuyên Th, thị xã Kiến T, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Lệ T, bà Đỗ Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2020, ngày 26/4/2021 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần D trình bày:

Cha mẹ ông V là ông Hà Thanh P và bà Nguyễn Thị Ngọc N là vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 15/10/1999.

Trong thời kỳ hôn N, ông P và bà N có tạo lập được một khối tài sản gồm các thửa đất số 48, diện tích 6.268m^2, thửa số 49, diện tích 5.998m^2, thửa số 50, diện tích 7.188m^2, thửa số 71, diện tích 6.647m^2, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã Thạnh H, thị xã Kiến T, tỉnh Long An. Ngoài ra, ngày 10/5/1999, ông P và bà N có nhận chuyển nhượng thửa đất số 1091, tờ bản đồ số 9, diện tích 11.643m^2, tọa lạc tại xã Tuyên T, thị xã Kiến T, tỉnh Long An của ông Trần Ngọc N và bà Huỳnh Thị D (làm hợp đồng tay). Đến ngày 22/6/2004, ông P được Ủy ban Nhân dân huyện Mộc Hóa (nay là thị xã Kiến T) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà N chết vào ngày 10/5/2001 không để lại di chúc, toàn bộ tài sản trên do ông P quản lý và sử dụng. Ngày 03/3/2008, ông P kết hôn với bà Lê Thị Lý B và đến năm 2014 ông P làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đứng tên đồng sử dụng là ông Hà Thanh P và bà Lê Thị Lý B mà không có lập thủ tục Ca thừa kế đối với phần tài sản của bà N trong khối tài sản chung với ông P.

Do ông P và bà Lý B phải thi hành án trả nợ nên Chi cục thi hành áNhân dân sự thị xã Kiến T đã kê biên toàn bộ khối tài sản trên để cưỡng chế thi hành án nghĩa vụ trả nợ. Hiện nay các thửa đất số 48, 49, 50, 71, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã Thạnh H, thị xã Kiến T, tỉnh Long An đã bán đấu giá thành và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị Thúy H.

Nay ông Hà Thanh V khởi kiện yêu cầu các vấn đề sau: Yêu cầu Ca tài sản thừa kế đối với phần tài sản của bà N trong khối tài sản chung là các thửa đất số 48, diện tích 6.268m^2, thửa số 49, diện tích 5.998m^2, thửa số 50, diện tích 7.188m^2, thửa số 71, diện tích 6.647m^2, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã Thạnh H, thị xã Kiến T, tỉnh Long An. Đối với phần di sản này ông V yêu cầu Ca phần giá trị tiền theo kết quả bán đấu giá của Công ty đấu giá hợp danh Tiên Ph được số tiền là 1.062.440.587 đồng. Trong khối tài sản chung ½ giá trị tiền là 531.220.293 đồng là của ông P, ½ giá trị tiền còn lại là di sản của bà N được Ca đều thành 4 kỷ phần cho hàng thừa kế của bà N gồm ông V, ông P, bà C, ông Mau mỗi người một phần.

Đối với kỷ phần của ông Mau (chết 2019) thì hàng thừa kế của ông Mau gồm (bà C, bà C, bà D, bà N, ông L) hưởng.

Đối với thửa đất số 1091, tờ bản đồ số 9, diện tích 11.643m^2, tọa lạc tại xã Tuyên T, thị xã Kiến T, tỉnh Long An có giá trị theo chứng thư thẩm định giá ngày 31/5/2021, số tiền là 601.232.000 đồng. Xác định ông P được ½ giá trị; còn ½ giá trị còn lại là của bà N, ông V yêu cầu Ca thành 04 kỷ phần và Ca cho những người thừa kế như nêu trên.

Bị đơn ông Hà Thanh P và bà Lê Thị Lý B (ông P ủy quyền cho bà Lý B tham gia tố tụng) có trình bày như sau:

Bà Lý B thừa nhận ông P và bà N là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 15/10/1999. Trong thời kỳ hôn N, ông P và bà N có tạo lập được một khối tài sản gồm các thửa đất số 48, diện tích 6.268m^2, thửa số 49, diện tích 5.998m^2, thửa số 50, diện tích 7.188m^2, thửa số 71, diện tích 6.647m^2, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã Thạnh H, thị xã Kiến T, tỉnh Long An.

Ngoài ra, ngày 10/5/1999, ông P và bà N có nhận chuyển nhượng thửa đất số 1091, tờ bản đồ số 9, diện tích 11.643m^2 tọa lạc tại xã Tuyên T, thị xã Kiến T, tỉnh Long An của ông Trần Ngọc N và bà Huỳnh Thị D (làm hợp đồng tay) và đến ngày 22/6/2004 ông P được Ủy ban Nhân dân huyện Mộc Hóa (nay là thị xã Kiến T) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà N chết vào ngày 10/5/2001 không để lại di chúc, toàn bộ tài sản trên do ông P quản lý và sử dụng. Đến ngày 03/3/2008, ông P kết hôn với bà Lê Thị Lý B. Năm 2014, ông P làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên đồng sử dụng là ông Hà Thanh P và bà Lê Thị Lý B mà không có lập thủ tục Ca thừa kế đối với phần tài sản của bà N trong khối tài sản chung với ông P.

Nay ông Hà Thanh V, bà Nguyễn Thị C và những người thừa kế của ông Mau gồm: Bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Ngọc N, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị D có đơn yêu cầu Ca thừa kế di sản của bà N và thống nhất từ chối nhận toàn bộ di sản, giao lại cho ông V được quyền hưởng thì bà đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Ngọc N, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị C trình bày: Các bà thống nhất lời trình bày của ông V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh L yêu cầu vắng mặt khi giải quyết vụ án.

Ủy ban Nhân dân thị xã Kiến T có ý kiến trình bày tại văn bản số: 2068/ UBND- TNMT ngày 24/6/2021:

Việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hà Thanh P để bà Lê Thị Lý B cùng đứng tên đồng sử dụng quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 48, diện tích 6.268m^2, thửa số 49, diện tích 5.998m^2, thửa số 50, diện tích 7.188m^2, thửa số 71, diện tích 6.647m^2 , tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã Thạnh H, thị xã Kiến T, tỉnh Long An và thửa số 1091, tờ bản đồ số 9, diện tích 11.643m^2 tọa lạc tại xã

Tuyên T, thị xã Kiến T, tỉnh Long An vào năm 2014 là đúng quy định pháp luật vì được sự thống nhất của chủ sử dụng đất hợp pháp là ông Hà Thanh P.

Chi cục thi hành áNhân dân sự thị xã Kiến Tường có ý kiến trình bày:

Tại văn bản số 128/CV-CCTHADS ngày 18/2/2021 xác định đối với các thửa đất số 48, diện tích 6.268m^2, thửa số 49, diện tích 5.998m^2, thửa số 50, diện tích 7.188m^2, thửa số 71, diện tích 6.647m^2, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã Thạnh H, thị xã Kiến T, tỉnh Long An đã được kê biên và bán đấu giá thành, số tiền là 1.062.440.587 đồng. Việc đấu giá của Công ty là công khai, đúng quy định pháp luật, số tiền bán đấu giá đang được gửi tiết kiệm kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng theo quy định. Đối với thửa số 1091, tờ bản đồ số 9, diện tích 11.643m^2, tọa lạc tại xã Tuyên T, thị xã Kiến T, tỉnh Long An hiện nay đã có quyết định kê biên thi hành án. Các thửa đất bán đấu giá thành đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người trúng đấu giá là bà Trần Thị Thúy H xong.

Công ty đấu giá hợp danh Tiên Ph có ý kiến trình bày:

Tại văn bản số 156/21/TP-CV ngày 13/4/2021 xác định đối với thửa đất số 1091, tờ bản đồ số 9, diện tích 11.643m^2 tọa lạc tại xã Tuyên T, thị xã Kiến T, tỉnh Long An thì Công ty không có mở đấu giá. Đối với các thửa đất số 48, diện tích 6.268m^2, thửa số 49, diện tích 5.998m^2, thửa số 50, diện tích 7.188m^2, thửa số 71, diện tích 6.647m^2, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã Thạnh H, thị xã Kiến T, tỉnh Long An thì Công ty tiến hành dịch vụ đấu giá tài sản số 75/2020/HĐ DVĐG – THA ngày 01/6/2020 và bán đấu giá thành được số tiền là 1.062.440.587 đồng.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 17/5/2021 và tại phiên tòa bà Võ Lệ T trình bày:

Bà Thu không đồng ý thỏa thuận ngày 10/5/2021 (biên bản hòa giải thành) tại Tòa án Nhân dân thị xã Kiến T, tỉnh Long An vì phía ông V, ông P và bà Lý B không đưa ra được bất cứ chứng cứ gì thể hiện bà N đứng tên trong khối tài sản mà ông V yêu cầu Ca thừa kế. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà Võ Lệ T thống nhất các thửa đất số 48, diện tích 6.268m^2, thửa số 49, diện tích 5.998m^2, thửa số 50, diện tích 7.188m^2, thửa số 71, diện tích 6.647m^2 , tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã Thạnh H, thị xã Kiến T, tỉnh Long An là tài sản chung giữa ông P và bà N nên không có ý kiến gì về việc yêu cầu Ca thừa kế của ông V và những người thừa kế của bà N.

Riêng đối với thửa số 1091, tờ bản đồ số 9, diện tích 11.643m^2, tọa lạc tại xã Tuyên T, thị xã Kiến T, tỉnh Long An thì bà cho rằng không phải tài sản chung giữa ông P với bà N vì ông P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2004 là sau khi bà N chết. Việc nguyên đơn cho rằng thửa đất 1091 được ông P, bà N nhận chuyển nhượng từ ngày 10/5/1999. Tại hợp đồng viết tay thì bà Thu không thống nhất vì người mua đất không có ký tên, giá đất không đúng thực tế lúc chuyển nhượng, làm giấy mua bán đất là ngày 10/5/1999 nhưng ngày đăng ký kết hôn giữa ông P, bà N là ngày 13/10/1999. Do đó, việc xác định thửa đất 1091 là tài sản chung giữa ông P với bà N là không phù hợp. Bà Thu không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cũng như lời thừa nhận của phía bị đơn về việc Ca thừa kế đối với thửa đất này.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 17/5/2021, bà Hạnh, ông Minh, bà Mai trình bày: Các ông bà có ý kiến trình bày như bà Thu đã trình bày.

Bà Trần Thị Thúy H có ý kiến trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 24/5/2021:

Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời bà là người đã trúng đấu giá hợp pháp đối với các thửa đất đất số 48, diện tích 6.268m^2, thửa số 49, diện tích 5.998m^2, thửa số 50, diện tích 7.188m^2, thửa số 71, diện tích 6.647m^2, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã Thạnh H, thị xã Kiến T, tỉnh Long An. Nay bà đã nhận đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên phải được pháp luật bảo vệ.

Tranh chấp đã được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải, công khai chứng chứng theo quy định của pháp luật nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

Tại Bản áNhân dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Tòa án Nhân dân thị xã Kiến T đã căn cứ các khoản 5, khoản 9 Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 609, 611, 612, 613, 617, 618, 620, 649, 651, 652, 660 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 631, 633, 634, 635, 639, 642, 674, 676, 677, 685 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 37 các Điều 33, Điều 38, Điều 62 Luật hôn N và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Thanh V và yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Ngọc N, bà Nguyễn Thị Diễm, bà Nguyễn Thị C đối với ông Hà Thanh P và bà Lê Thị Lý B về việc "tranh chấp Ca di sản thừa kế".

Xác định tài sản chung của ông Hà Thanh P và bà Nguyễn Thị Ngọc N trong thời kỳ hôn N gồm quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 48, diện tích 6.268m^2, thửa số 49, diện tích 5.998m^2, thửa số 50, diện tích 7.188m^2, thửa số 71, diện tích 6.647m^2, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã Thạnh H, thị xã Kiến T, tỉnh Long An và thửa đất số 1091 tờ bản đồ số 9, diện tích 11.643m^2 tọa lạc tại xã Tuyên T, thị xã Kiến T, tỉnh Long An có tổng giá trị là 1.663.672.587 đồng.

Xác định một nửa tài sản chung nêu trên là thuộc quyền sở hữu của ông Hà Thanh P có giá trị là 831.836.293 đồng và một nửa tài sản chung còn lại là thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Ngọc N có giá trị là 831.836.293 đồng.

- Xác định thời điểm mở thừa kế của bà Nguyễn Thị Ngọc N là ngày 10/5/2001 và những người được thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị Ngọc N bao gồm: Ông Hà Thanh P, ông Hà Thanh V, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn Mau (ông Nguyễn Văn Mau chết năm 2019 nên những người thừa kế thế vị của ông Mau gồm: Bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Ngọc N, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Diễm, ông Nguyễn Thanh L).

- Xác định phần di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Ngọc N có tổng giá trị là 831.836.293 đồng.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Ngọc N, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị C về việc thống nhất giao toàn bộ kỷ phần được hưởng thừa kế thế vị của ông Mau từ di sản của bà Nguyễn Thị Ngọc N cho ông Hà Thanh V được hưởng.

3. Giao kỷ phần thừa kế thế vị của ông Nguyễn Thanh L cho ông Hà Thanh V quản lý.

4. Ca các kỷ phần bằng giá trị tiền cho những người thừa kế theo pháp luật được hưởng như sau:

- Ông Hà Thanh V được hưởng được hưởng 02 kỷ phần hàng thừa kế thứ nhất và 03 kỷ phần từ người thừa kế thế vị giao lại có tổng giá trị là 582.285.404 đồng.

- Ông Hà Thanh P được hưởng một kỷ phần hàng thừa kế thứ nhất có trị giá là 207.959.073 đồng;

- Ông Nguyễn Thanh L được hưởng 1/5 kỷ phần thừa kế thế vị có trị giá là 41.591.814 đồng nhưng giao cho ông Hà Thanh V quản lý.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 1.062.440.587 đồng (hiện nay Chi cục thi hành áNhân dân sự thị xã Kiến T đang giữ theo biên lai thu tiền số 03502 ngày 22/7/2020) đến khi bản án có hiệu lực pháp luật và thi hành theo quy định.

5. Về hiện vật:

- Các thửa đất số 48, diện tích 6.268m^2, thửa số 49, diện tích 5.998m^2, thửa số 50, diện tích 7.188m^2, thửa số 71, diện tích 6.647m^2 , tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã Thạnh H, thị xã Kiến T, tỉnh Long An, bà Trần Thị Thúy Hằng quản lý sử dụng theo biên bản giao nhận tài sản thi hành án ngày 18/8/2020 của Chi cục thi hành áNhân dân sự thị xã Kiến T.

- Đối với thửa đất số 1091, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại xã Tuyên T, thị xã Kiến T, tỉnh Long An; Tiếp tục duy trì quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 22/QĐ-CCTHADS ngày 30/7/2019 Chi cục thi hành áNhân dân sự thị xã Kiến T đến khi bản án này có hiệu lực pháp luật và thi hành theo quy định.

6. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện ông Hà Thanh V về việc yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá của Công ty bán đấu giá hợp danh Tiên Ph.

7. Về C phí tố tụng: Tổng cộng số tiền là 11.246.000đồng. Buộc ông P phải chịu số tiền 7.279.000 đồng, ông V 3.967.000 đồng. Do ông V đã tạm ứng trước nên buộc ông P phải hoàn trả lại cho ông V số tiền 3.967.000 đồng.

8. Về án phí: Buộc ông Hà Thanh P phải chịu số tiền 10.398.000đ đồng án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước. Buộc Ông Hà Thanh V phải chịu số tiền 27.291.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 19.800.000 đồng theo

biên lai thu số 0009477 ngày 11/11/2020 của Chi cục thi hành áNhân dân sự thị xã Kiến T, ông Hà Thanh V phải nộp thêm 7.491.000 đồng. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000543 ngày 04/11/2021, bà Nguyễn Thị C số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000541 ngày 04/11/2021, bà Nguyễn Thị Diễm số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000542 ngày 04/11/2021 của Chi cục thi hành áNhân dân sự thị xã Kiến T.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền, thời hạn kháng cáo và thi hành án của các đương sự.

Ngày 03/3/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Lệ T, bà Đỗ Thị H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Theo đơn kháng cáo bà Thu và bà Hạnh yêu cầu xác định giá trị tài sản chung Ca thừa kế theo kỷ phần của ông P, bà N là 1.062.440.587 đồng. Không chấp nhận thửa đất số 1091, tờ bản đồ số 9, diện tích 11.463m^2 là tài sản chung của ông P, bà N.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Lệ T và bà Đỗ Thị H thống nhất trình bày tranh luận: Đối với thửa đất số 48, diện tích 6.268m^2, thửa số 49, diện tích 5.998m^2, thửa số 50, diện tích 7.188m^2, thửa số 71, diện tích 6.647m^2, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã Thạnh H, thị xã Kiến T, tỉnh Long An, Tòa án cấp sơ thẩm xác định là tài sản chung giữa ông P và bà N thì các bà thống nhất. Riêng đối với thửa số 1091, tờ bản đồ số 9, diện tích 11.643m^2, tọa lạc tại xã Tuyên T, thị xã Kiến T, tỉnh Long An thì bà cho rằng không phải tài sản chung giữa ông P với bà N vì ông P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2004 là sau khi bà N chết. Tại hợp đồng viết tay thì bà Thu không thống nhất vì người mua đất không có ký tên, giá đất không đúng thực tế lúc chuyển nhượng, làm giấy mua bán đất là ngày 10/5/1999 nhưng ngày đăng ký kết hôn giữa ông P, bà N là ngày 13/10/1999. Giấy viết tay là hoàn toàn mới, không giống được viết vào năm 1999 nhưng bà không yêu cầu giám định tuổi mực của tờ viết tay này. Ngoài ra, lời trình bày của ông V và người đại diện theo ủy quyền của ông V cũng không thống nhất nhau về thời điểm mua bán đất. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Thu và bà Hạnh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hà Thanh V trình bày: Trong thời kỳ hôn N, ngày 10/5/1999, ông P và bà N có nhận chuyển nhượng thửa đất số 1091, tờ bản đồ số 9, diện tích 11.643m^2, tọa lạc tại xã Tuyên T, thị xã Kiến T, tỉnh Long An của ông Trần Ngọc N và bà Huỳnh Thị D (làm hợp đồng tay). Đến ngày 22/6/2004, ông P được Ủy ban Nhân dân huyện Mộc Hóa (nay là thị xã Kiến T) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên N theo đơn khởi kiện

ông V trình bày không rõ vì thời điểm mua bán đất ông V chưa được sinh ra nên không nắm rõ.

Thửa đất số 1091 có giá trị theo chứng thư thẩm định giá ngày 31/5/2021, số tiền là 601.232.000 đồng. Xác định ông P được hưởng ½ giá trị, ½ giá trị còn lại là của bà N, ông V yêu cầu Ca thành 04 kỷ phần và Ca cho những người thừa kế của bà N. Bản án sơ thẩm xét xử phù hợp quy định pháp luật, ông V không kháng cáo. Do đó, đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Thu, bà Hạnh.

Bị đơn bà Lê Thị Lý B đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Hà Thanh P, bà Ba trình bày như sau: Bà Lý B thừa nhận ông P và bà N là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 15/10/1999. Trong thời kỳ hôn N, ngày 10/5/1999, ông P và bà N có nhận chuyển nhượng thửa đất số 1091, tờ bản đồ số 9, diện tích 11.643m^2 tọa lạc tại xã Tuyên T, thị xã Kiến T, tỉnh Long An của ông Trần Ngọc N và bà Huỳnh Thị D (làm hợp đồng tay). Do thời điểm này giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang cầm bên ngoài nên chưa làm thủ tục sang tên và đến ngày 22/6/2004 ông P được Ủy ban Nhân dân huyện Mộc Hóa (nay là thị xã Kiến T) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà N chết vào ngày 10/5/2001 không để lại di chúc, toàn bộ tài sản trên do ông P quản lý và sử dụng. Đến ngày 03/3/2008, ông P kết hôn với bà Lê Thị Lý B. Năm 2014, ông P làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên đồng sử dụng là ông Hà Thanh P và bà Lê Thị Lý B mà không có lập thủ tục Ca thừa kế đối với phần tài sản của bà N trong khối tài sản chung với ông P. Bản án sơ thẩm xét xử hợp tình, hợp lý, bà và ông P không kháng cáo. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Thu, bà Hạnh.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ông P cho rằng thửa đất số 1091 là do ông P và bà N nhận chuyển nhượng từ ông Trần Ngọc N, bà Huỳnh Thị D theo hợp đồng giấy tay ngày 10/5/1999. Các bên đã thanh toán đầy đủ tiền chuyển nhượng và ông P đã nhận đất từ năm 1999. Ngày 10/5/2001, bà N chết không để lại di chúc. Đến ngày 22/6/2004, ông P mới cập nhật sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 1091 là vì giấy chứng nhận đang cầm cố cho người khác nên không làm thủ tục sang nhượng được.

Tại giấy mua bán đất ngày 10/5/1999 thể hiện ông N, bà D bán thửa đất 1091 cho ông P, bà N, đã giao tiền đầy đủ, khi nào lấy giấy đã cầm cho người khác đến năm 2004 mới sang tên cho ông P. Tuy nhiên, giấy tay chuyển nhượng đất giữa ông P, bà N với ông N, bà D không có chữ ký của bên mua mà chỉ có bà D là vợ ông N ký tên và có ông Trường làm chứng. Ông Trường là người làm chứng việc chuyển nhượng đất giữa các bên năm 1999 theo giấy tay nhưng chưa có ý kiến của ông Trường về việc giao tiền, giao đất, sang tên đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lý B cho rằng tại thời điểm chuyển nhượng đất đang cầm cho ông Sang nhưng chưa có ý kiến của ông Sang về việc cầm đất này.

Tại đơn khởi kiện bổ sung của ông Hà Thanh V, và đơn yêu cầu Ca thừa kế của bà Nguyễn Thị C (mẹ của bà N), bà Nguyễn Thị Ngọc N, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị C (các em bà N) trình bày đến năm 2004 ông P lấy số tiền chung với bà N mua thêm thửa đất số 1091.

Ông P được cập nhật sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1091 trên cơ sở hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông N và ông P được ký kết ngày 16/6/2004.

Ngày 13/6/2004, ông N có đơn gửi UBND xã Thạnh H xác nhận là ông có đất ở ấp Bào Chứa, với lý do để ông bán đất cho ông P thửa đất 1091 ở xã Tuyên Th, vì phần đất này ở xa nhà, để ông về canh tác ở ấp Bào Chứa cho gần nhà.

Ông P cho rằng ông N và bà D đã giao đất cho ông sử dụng từ năm 1999, nhưng ông P không có chứng cứ chứng minh về việc bàn giao đất, về quá trình quản lý, sử dụng của thửa 1091 từ khi nhận chuyển nhượng đất năm 1999 đến khi được cấp giấy năm 2004. Đồng thời, Ủy ban Nhân dân xã Thạnh H, thị xã Kiến T xác nhận thời điểm từ ngày 10/5/2001 đến ngày 22/6/2004, ông P có canh tác các thửa đất 48, 49, 50, 71. Chưa có văn bản của chính quyền địa phương xác nhận ông P canh tác thửa 1091 từ năm 1999 đến năm 2004.

Từ phân tích trên, có cơ sở xác định thửa đất 1091 là tài sản riêng của ông P nhận chuyển nhượng từ ông N và bà D khi bà N đã chết. Bản án sơ thẩm xác định thửa 1091 là tài sản chung của ông P và bà N nên chấp nhận Chia di sản của bà N là không căn cứ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm xác định bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Ngọc N, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Thanh L là người thừa kế thế vị của ông Mau là không chính xác, bởi lẽ ông Mau chết năm 2019, còn bà N chết 2001. Do đó, đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị H và bà Võ Lệ T. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Võ Lệ T, bà Đỗ Thị H được làm đúng theo quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Hà Thanh V khởi kiện tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất tọa lạc tại thị xã Kiến T, tỉnh Long An. Tòa án Nhân dân thị xã Kiến T thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm và xác định quan hệ tranh chấp thừa kế là đúng quy định Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về vắng mặt của đương sự:

Nguyên đơn ông Hà Thanh V do ông Trần D đại diện theo ủy quyền có mặt; bị đơn ông Hà Thanh P, bà Lê Thị Lý B, ông P do bà Ba đại diện có mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo gồm bà Võ Lệ T, bà Đỗ Thị H có mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại vắng mặt đã được tống đạt hợp lệ, có văn bản trình bày ý kiến lưu hồ sơ vụ án. Đương sự vắng mặt thuộc trường hợp quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về phạm vi kháng cáo:

Nguyên đơn ông Hà Thanh V khởi kiện yêu cầu Chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Ngọc N (là mẹ ông V - đã chết) trong khối tài sản chung của bà N và ông P gồm quyền sử dụng các thửa đất số 48, 49, 50, 71, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã Thạnh H, thị xã Kiến T, tỉnh Long An và thửa đất số 1019, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại xã Tuyên T, thị xã Kiến T, tỉnh Long An. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là những người được thi hành án gồm bà Võ Lệ T, bà Đỗ Thị H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu xác định giá trị tài sản chung Ca thừa kế theo kỷ phần của ông P, bà N đối với các thửa đất số 48, 49, 50, 71 là 1.062.440.587 đồng. Không chấp nhận thửa đất số 1091, tờ bản đồ số 9, diện tích 11.463m^2 có giá 601.232.000 đồng là tài sản chung của ông P, bà N. Các đương sự còn lại không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không rút kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án, không cung cấp chứng cứ mới. Tòa án cấp phúc thẩm xem xét trong phạm vi liên quan đến kháng cáo của các đương sự.

[5] Về hàng thừa kế:

Bà Nguyễn Thị Ngọc N (chết ngày 10/5/2001) và ông Hà Thanh P là vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 15/10/1999. Bà N và ông P có một người con chung là Hà Thanh V sinh ngày 13/9/1999.

Cha mẹ của bà N là ông Nguyễn Văn Mau (chết ngày 24/7/2019), bà Nguyễn Thị C. Ông Mau, bà C có 05 người con gồm: Bà Nguyễn Thị Ngọc N, Nguyễn Thị Ngọc N, Nguyễn Thị Diễm, Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Thanh L. Thời điểm mở thừa kế di sản của bà N là ngày 10/5/2001 thì ông Mau còn sống, đến năm 2019 ông Mau chết. Các đương sự tranh chấp di sản của bà N. Bà N chết trước ông Mau nên những người thừa kế chuyển tiếp của ông Mau gồm bà C, bà N, bà D, bà C, ông L được hưởng thừa kế phần di sản ông Mau lẽ ra được hưởng khi còn sống và tham gia tố tụng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà C, bà N, bà D, bà C, ông L là người thừa kế thế vị của ông Mau là không chính xác được quy định tại Điều 652 Bộ luật dân sự. Bà N chết không để lại di chúc nên di sản được Ca theo pháp luật.

Người vợ thứ hai của ông P là bà Lê Thị Lý B, đăng ký kết hôn ngày 03/3/2008 hiện đang chung sống với nhau.

[6] Về di sản thừa kế:

[6.1] Đối với các thửa đất số 48, thửa số 49, thửa số 50, thửa số 71 tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã Thạnh H, thị xã Kiến T, tỉnh Long An, thấy rằng:

Các thửa đất số 48, thửa số 49, thửa số 50, thửa số 71 tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã Thạnh H, thị xã Kiến T, tỉnh Long An có nguồn gốc do ông P mua của ông Võ Thành Xuân theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/11/1999. Ngày 28/3/2003, ông P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tài sản này được tạo lập trong thời kỳ hôn N giữa ông P và bà N và được các bên đều thừa nhận là tài sản chung của vợ chồng ông P, bà N. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo cũng thống nhất các thửa đất này là tài sản chung của bà N và ông P, không kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét. Hội đồng xét xử xác định quyền sử dụng đất thửa đất số 48, thửa số 49, thửa số 50, thửa số 71 là tài sản chung của ông P và bà N. Do bà N đã chết nên ½ tài sản này trở thành di sản thừa kế của bà N chết để lại.

[6.2] Đối với thửa đất số 1091 tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại xã Tuyên T, thị xã Kiến T, tỉnh Long An, thấy rằng:

Nguồn gốc thửa đất số 1091 tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại xã Tuyên T, thị xã Kiến T, tỉnh Long An do ông P và bà N nhận chuyển nhượng của ông Trần Ngọc N và bà Huỳnh Thị D theo hợp đồng tay ngày 10/5/1999. Ông P và ông N, bà D xác định các bên đã thanh toán đầy đủ tiền, ông P đã nhận đất canh tác từ năm 1999. Thời hạn đến năm 2004 mới thực hiện hợp đồng theo đúng quy định vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông N, bà D đang thế chấp chưa đến hạn lấy giấy về để làm thủ tục chuyển nhượng được. Đến ngày 10/5/2001, bà N chết và ngày 16/6/2004 thì ông P mới lập thủ tục đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Võ Lệ T cho rằng giấy mua bán đất viết tay không có chữ ký của người mua, số tiền mua bán không phù hợp thực tế và ngày mua sau ngày đăng ký kết hôn thì không xem đây là tài sản chung giữa ông P với bà N. Xét thấy, theo giấy tay ngày 10/5/1999 thể hiện nội dung ông N, bà D thống nhất chuyển nhượng và đã nhận đủ tiền, người mua cũng đã nhận đất. Tại lời khai của ông N, bà D cũng xác nhận đúng nội dung thỏa thuận như vậy, còn về giá đất thì do các bên thỏa thuận không trái với pháp luật. Việc ông P, bà N đăng ký kết hôn ngày 15/10/1999 sau khi làm giấy mua bán đất (10/5/1999) nhưng thực tế đã sống chung từ trước ngày 09 tháng 10 ngày vì sinh con đầu tiên là Hà Thanh V vào ngày 13/9/1999. Bà Thu, bà Hạnh cho rằng đây là tài sản riêng của ông P nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do đó, không chấp nhận kháng cáo này của bà Thu, bà Hạnh. Hội đồng xét xử xác định quyền sử dụng thửa 1091 là tài sản chung của ông P và bà N. Do bà N đã chết nên ½ tài sản này trở thành di sản thừa kế của bà N chết để lại.

Ông N, bà D và ông P xác định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã hoàn thành, bên chuyển nhượng đã nhận đủ tiền và giao đất cho bên mua đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các bên không tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về giá trị các thửa đất tranh chấp, thấy rằng:

Hiện nay, các thửa đất trên đã bị Chi cục thi hành áNhân dân sự thị xã Kiến T cưỡng chế kê biên để đảm bảo thi hành các bản án số 62/2018/DSST ngày 30/10/2018 và bản án số 61/2018/DSST ngày 30/10/2018; các quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 89/2019/QDST-DS ngày 23/10/2019; số 84/2019/QDST-DS ngày 15/10/2019; số 83/2019/QDST-DS ngày 23/10/2019; số 85/2019/QDST-DS ngày 23/10/2019; số 25/2019/QDST-DS ngày 24/4/2019 của Tòa án Nhân dân thị xã Kiến T, tỉnh Long An đối với người có nghĩa vụ thi hành án là ông P và bà Lý B.

[7.1] Đối với các thửa đất số 48, 49, 50, 71, tờ bản đồ số 05, tọa lạc xã Thạnh H, thị xã Kiến T, tỉnh Long An, thấy rằng:

Ông P và bà Lý B đăng ký kết hôn ngày 03/3/2008. Ngày 07/7/2014, ông P và bà Lý B đứng tên đồng sử dụng thửa đất nêu trên. Xét thấy, đối với phần tài sản của ông P trong khối tài sản trên đã tự nguyện nhập tài sản riêng của ông có trước thời kỳ hôn N vào khối tài sản chung với bà Lê Thị Lý B, đó là quyền tự định đoạt tài sản của ông P. Tuy nhiên, đối với phần tài sản của bà N trong khối tài sản chung mà ông P là người bảo quản di sản tự ý nhập vào khối tài sản của ông và bà Lý B, chưa được sự đồng ý từ những người thừa kế của bà N là không đúng quy định pháp luật tại Điều 617 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 639 Bộ luật dân sự 2005 và Điều 76 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 10, Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2013.

Ngày 06/7/2020, Công ty bán đấu giá hợp danh Tiên Ph đã tổ chức bán đấu giá kết quả bà Trần Thị Thúy Hằng trúng đấu giá, số tiền là 1.062.440.587 đồng. Ngày 18/8/2020, Chi cục thi hành áNhân dân sự thị xã Kiến T đã bàn giao tài sản và bà Hằng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/12/2020. Do đó, xác định bà Hằng là người thứ 3 ngay tình theo quy định tại Điều 133 Bộ luật dân sự nên việc xác lập quyền sử dụng đất của bà Hằng thông qua Chi cục thi hành áNhân dân sự thị xã Kiến T không bị vô hiệu.

Trong trường hợp này, Tòa án chỉ giải quyết phần giá trị bán đấu giá thành đối với quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 48, 49, 50, 71, bản đồ số 5, tọa lạc tại xã Thạnh H, thị xã Kiến T, tỉnh Long An trên số tiền là 1.062.440.587 đồng (hiện nay Chi cục thi hành áNhân dân sự thị xã Kiến T đang giữ theo biên lai thu tiền số 03502 ngày 22/7/2020) theo đúng quy định của pháp luật. Còn hiện vật các thửa đất trên thuộc quyền sử dụng đất của bà Hằng.

Trong quá trình bán đấu giá, không ai khiếu nại về kết quả bán đấu giá. Tòa án cấp sơ thẩm xác định các thửa đất số 48, 49, 50, 71, bản đồ số 5, tọa lạc tại xã Thạnh H, thị xã Kiến T, tỉnh Long An có giá là 1.062.440.587 đồng là có căn cứ.

[7.2] Đối với giá trị thửa đất số 1091, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại xã Tuyên T, thị xã Kiến T, tỉnh Long An: Chi cục thi hành án đã kê biên nhưng chưa làm thủ tục bán đấu giá nên được xem xét theo chứng thư thẩm định giá ngày 23/4/2021 của Công ty cổ phần đầu tư thẩm định giá Hội Nhập có giá là 601.232.000 đồng là phù hợp.

Như vậy, tài sản chung của ông P và bà N gồm: Các thửa đất số 48, 49, 50, 71, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã Thạnh H, thị xã Kiến T được bán đấu giá với số tiền là 1.062.440.587 đồng và thửa đất số 1091, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại xã Tuyên T, thị xã Kiến T, tỉnh Long An có giá là 601.232.000 đồng. Tổng các giá trị tài sản là 1.663.672.587 đồng.

[8] Về cách Chia di sản thừa kế:

[8.1] Ngày 10/5/2001, bà N chết không để lại di chúc nên Tòa án Chia di sản thừa kế của bà N theo pháp luật. Thời điểm mở thừa kế phần di sản của bà N là ngày 10/5/2001. Hàng thừa kế thứ nhất của bà N gồm: Ông P (là chồng), ông V (là con), bà C (là mẹ) và ông Mau (là cha). Tuy nhiên, ông Mau chết năm 2019 nên những người thừa kế chuyển tiếp của ông Mau gồm C (vợ ông Mau) và các con ông Mau là bà Ngoan, bà Diễm, bà C, ông L.

Tài sản chung của ông P và bà N có tổng giá trị là 1.663.672.587 đồng. Trong đó, ½ tài sản của bà N có giá trị là 831.836.293 đồng.

Do bà N chết nên ½ tài sản chung này trở thành di sản thừa kế Ca đều cho 04 đồng thừa kế của bà N gồm ông P, ông V, bà C, ông Mau mỗi người được hưởng 01 kỷ phần, mỗi kỷ phần có giá trị là 207.959.073 đồng.

Tuy nhiên, do ông Mau đã chết năm 2019 nên kỷ phần ông Mau được hưởng từ bà N sẽ được Ca cho 05 đồng thừa kế của ông Mau gồm bà C, bà N, bà D, bà C và ông L, phần của mỗi người được hưởng có giá trị là 207.959.073 đồng/5 = 41.591.814 đồng.

Do bà C, bà Ngoan, bà Diễm và bà C có đơn yêu cầu độc lập Ca thừa kế và có ý kiến thống nhất giao toàn bộ di sản mà lẽ ra họ được hưởng cho ông V được toàn quyền quản lý, sử dụng. Xét thấy, việc giao toàn bộ di sản trên là hoàn toàn tự nguyện và không nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ tài sản của mình đối với người khác là đúng theo quy định tại Điều 620 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được ghi nhận.

Như vậy, ông V được hưởng 01 kỷ phần thừa kế do bà N để lại với tư cách là hàng thừa kế thứ nhất có giá trị là 207.959.073 đồng; 01 kỷ phần thừa kế của hàng thừa kế thứ nhất do bà C giao cho ông V có giá trị là 207.959.073 đồng; 04 phần của hàng thừa kế chuyển tiếp từ ông Mau gồm bà C, bà N, bà D, bà C tự nguyện giao cho ông V mỗi phần có giá trị là 41.591.814 đồng. Tổng số tiền thừa kế mà ông V được hưởng là 582.285.402 đồng.

Đối với phần di sản mà ông L được hưởng có giá trị là 41.591.814 đồng nhưng không có đơn yêu cầu Ca thừa kế nên tạm giao cho ông V quản lý. Trong trường hợp ông L có tranh chấp thừa kế về số tiền này thì có quyền khởi kiện ông V bằng một vụ án khác.

Ông Hà Thanh P được hưởng 01 kỷ phần thừa kế do bà N chết để lại là 207.959.073 đồng.

[8.2] Xét thấy, như đã phân tích nêu trên, toàn bộ tài sản tranh chấp hiện do cơ quan thi hành áNhân dân sự thị xã Kiến T đang tổ chức thi hành các khoản nợ

của ông P, bà Lý B. Những khoản nợ này không liên quan đến bà N và những người thừa kế còn lại của bà N nên trước khi Cơ quan thành hành án tổ chức thi hành án các khoản nợ của ông P, bà Lý B thì ông Hà Thanh V được quyền ưu tiên nhận trước và đủ số tiền hưởng thừa kế 582.285.404 đồng và 41.591.814 đồng phần thừa kế ông L được hưởng (tạm giao cho ông V quản lý). Số tiền còn lại sẽ được thi hành cho các bản án số 62/2018/DSST ngày 30/10/2018 và bản án số 61/2018/DSST ngày 30/10/2018; các quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 89/2019/QDST-DS ngày 23/10/2019; số 84/2019/QDST-DS ngày 15/10/2019; số 83/2019/QDST-DS ngày 23/10/2019; số 85/2019/QDST-DS ngày 23/10/2019; số 25/2019/QDST-DS ngày 24/4/2019 của Tòa án Nhân dân thị xã Kiến T, tỉnh Long An và các bản án khác nếu có đối với người có nghĩa vụ thi hành án là ông P và bà Lý B.

[9] Về công sức tôn tạo, giữ giữ di sản thừa kế: Từ khi bà N chết cho đến nay ông P là người quản lý, trông coi toàn bộ tài sản này. Ông P là người trực tiếp canh tác trồng lúa và hưởng hoa lợi, lợi tức trên các tài sản này. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không trích công sức cho ông P. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lý B đại diện cho ông P xác định ông P không kháng cáo phần này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định tài sản chung của bà N và ông P gồm quyền sử dụng các thửa đất số 48, 49, 50, 71, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã Thạnh H, thị xã Kiến T, tỉnh Long An và thửa đất số 1019, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại xã Tuyên T, thị xã Kiến T, tỉnh Long An. Xác định di sản của bà N là ½ giá trị tài sản chung để Ca thừa kế là có căn cứ. Bà Võ Lệ T, bà Đỗ Thị H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án nên không chấp nhận kháng cáo của bà Thu, bà Hạnh. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà C (vợ) và các con của ông Mau gồm bà N, bà D, bà C, ông L là người thừa kế thế vị của ông Mau là không chính xác. Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại cách tuyên án cho phù hợp. Chấp nhận một phần đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông V phải chịu án phí là 27.291.000 đồng đối với số tiền được hưởng là 582.285.402 đồng.

Ông Hà Thanh P phải chịu 10.398.000 đồng đối với số tiền được hưởng là 207.959.073 đồng.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Lệ T được miễn án phí.

Bà Đỗ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí do kháng cáo không được chấp nhận.

[12] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Lệ T, bà Đỗ Thị H.

Sửa một phần quyết định bản áNhân dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Tòa án Nhân dân thị xã Kiến T, tỉnh Long An về cách tuyên án.

Căn cứ vào các khoản 5, khoản 9 Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 609, 611, 612, 613, 617, 618, 620, 649, 651, 652, 660 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 631, 633, 634, 635, 639, 642, 674, 676, 677, 685 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 37 các Điều 33, Điều 38, Điều 62 Luật hôn N và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Thanh V và yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Ngọc N, bà Nguyễn Thị Diễm, bà Nguyễn Thị C đối với ông Hà Thanh P và bà Lê Thị Lý B về việc "tranh chấp Ca di sản thừa kế".

1.1. Xác định tài sản chung của ông Hà Thanh P và bà Nguyễn Thị Ngọc N trong thời kỳ hôn N gồm quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 48, diện tích 6.268m^2, thửa số 49, diện tích 5.998m^2, thửa số 50, diện tích 7.188m^2, thửa số 71, diện tích 6.647m^2, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã Thạnh H, thị xã Kiến T, tỉnh Long An và thửa đất số 1091 tờ bản đồ số 9, diện tích 11.643m^2 tọa lạc tại xã Tuyên T, thị xã Kiến T, tỉnh Long An, có tổng giá trị là 1.663.672.587 đồng.

Xác định ½ tài sản chung có giá trị là 831.836.293 đồng thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Hà Thanh P.

Xác định ½ tài sản chung có giá trị là 831.836.293 đồng là di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Ngọc N chết để lại.

Xác định thời điểm mở thừa kế của bà Nguyễn Thị Ngọc N là ngày 10/5/2001 và những người đươc thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị Ngọc N bao gồm: Ông Hà Thanh P, ông Hà Thanh V, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn Mau (ông Nguyễn Văn Mau chết năm 2019 nên những người thừa kế của ông Mau gồm: Bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Ngọc N, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Diễm, ông Nguyễn Thanh L).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Ngọc N, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị C về việc thống nhất giao toàn bộ kỷ phần được hưởng thừa kế cho ông Hà Thanh V.

Di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Ngọc N được Ca như sau:

1.2. Ông Hà Thanh V được hưởng kỷ 02 kỷ phần của hàng thừa kế thứ nhất và 03 phần từ người thừa kế chuyển tiếp giao lại với số tiền là 582.285.404 đồng (năm trăm tám mươi hai triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn bốn trăm lẻ bốn đồng).

1.3. Xác định phần thừa kế của ông Nguyễn Thanh L được hưởng là 41.591.814 đồng (bốn mươi mốt triệu năm trăm chín mươi mốt nghìn tám trăm mười bốn đồng).

Tạm giao phần thừa kế của ông Nguyễn Thanh L được hưởng là 41.591.814 đồng (bốn mươi mốt triệu năm trăm chín mươi mốt nghìn tám trăm mười bốn đồng) cho ông Hà Thanh V quản lý. Trong trường hợp ông Nguyễn Thanh L có tranh chấp với ông Hà Thanh V về số tiền này thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Khi Cơ quan thành hành án tổ chức thi hành án đối với số tiền 1.062.440.587 đồng (hiện nay Chi cục thi hành áNhân dân sự thị xã Kiến T đang giữ theo biên lai thu tiền số 03502 ngày 22/7/2020) và thửa đất số 1091, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại xã Tuyên T, thị xã Kiến T, tỉnh Long An theo quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 22/QĐ-CCTHADS ngày 30/7/2019 Chi cục thi hành áNhân dân sự thị xã Kiến T thì ông Hà Thanh V được quyền ưu tiên nhận trước và đủ số tiền 623.877.218 đồng (sáu trăm hai mươi ba triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn hai trăm mười tám đồng), trong đó gồm: Tiền hưởng thừa kế là 582.285.404 đồng (năm trăm tám mươi hai triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn bốn trăm lẻ bốn đồng) và 41.591.814 đồng (bốn mươi mốt triệu năm trăm chín mươi mốt nghìn tám trăm mười bốn đồng) tiền ông V được tạm giao quản lý phần thừa kế của ông Nguyễn Thanh L.

1.4. Ông Hà Thanh P được hưởng một kỷ phần của hàng thừa kế thứ nhất với số tiền là 207.959.073 đồng (hai trăm lẻ bảy triệu chín trăm năm mươi chín nghìn không trăm bảy mươi ba đồng).

2. Về hiện vật:

Các thửa đất số 48, diện tích 6.268m^2, thửa số 49, diện tích 5.998m^2, thửa số 50, diện tích 7.188m^2, thửa số 71, diện tích 6.647m^2, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã Thạnh H, thị xã Kiến T, tỉnh Long An, bà Trần Thị Thúy Hằng quản lý sử dụng theo biên bản giao nhận tài sản thi hành án ngày 18/8/2020 của Chi cục thi hành áNhân dân sự thị xã Kiến T.

Thửa đất số 1091, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại xã Tuyên T, thị xã Kiến T, tỉnh Long An tiếp tục duy trì quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 22/QĐ-CCTHADS ngày 30/7/2019 Chi cục thi hành áNhân dân sự thị xã Kiến T đến khi bản án này có hiệu lực pháp luật và thi hành theo quy định.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện ông Hà Thanh V về việc yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá của Công ty bán đấu giá hợp danh Tiên Ph.

4. Về C phí tố tụng: Tổng cộng số tiền C phí đo đạc, đính giá, thẩm định là 11.246.000 đồng (mười một triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn đồng). Buộc ông P

phải chịu số tiền 7.279.000 đồng (bảy triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn đồng), ông V phải chịu 3.967.000 đồng (ba triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn đồng). Do ông V đã tạm ứng trước nên buộc ông P phải hoàn trả lại cho ông V số tiền 3.967.000 đồng (ba triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hà Thanh P phải chịu 10.398.000 đồng (mười triệu ba trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Buộc Ông Hà Thanh V phải chịu số tiền 27.291.000 đồng (hai mươi bảy triệu hai trăm chín mươi mốt nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 19.800.000 đồng (mười chín triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009477 ngày 11/11/2020 của Chi cục thi hành áNhân dân sự thị xã Kiến T. Ông Hà Thanh V phải nộp thêm 7.491.000 đồng (bảy triệu bốn trăm chín mươi mốt nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000543 ngày 04/11/2021, bà Nguyễn Thị C số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000541 ngày 04/11/2021, bà Nguyễn Thị Diễm số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000542 ngày 04/11/2021 của Chi cục thi hành áNhân dân sự thị xã Kiến T.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Võ Lệ T được miễn án phí.

Bà Đỗ Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí, được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000620 ngày 04/3/2022 của Chi cục thi hành áNhân dân sự thị xã Kiến T.

7. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành áNhân dân sự thì người được thi hành áNhân dân sự, người phải thi hành áNhân dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành áNhân dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành áNhân dân sự.

8. Về hiệu lực của bản án: Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND thị xã Kiến T;
- Chi cục THADS thị xã Kiến T;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

Huỳnh Thị Hồng Vân